

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Xuân Ca

2. Ngày tháng năm sinh: 10/10/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Xóm Nước Hai, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Xuân Ca Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0985338855;

E-mail: canx@tnus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2012: Giảng viên tại Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Từ năm 2012 đến năm 2018: Phó Trưởng Khoa tại Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Từ năm 2018 đến năm 2020: Trưởng Khoa tại Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083904315

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 07 năm 2002, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Điện tử

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 03 năm 2006, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý lý thuyết

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 05 năm 2017, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn loại II có cấu trúc lõi/vỏ như CdS/ZnSe, CdTe/CdSe.

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn hợp kim ba thành phần như CdSSe, CdTeSe, ZnCdSe.

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn pha tạp các ion kim loại chuyển tiếp và đất hiếm như: CdS:Cu²⁺, CdS:Eu³⁺, ZnSe:Tb³⁺, ZnS:Tb³⁺, CdSSe:Cu²⁺, ZnCdSe:Cu²⁺.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 77 bài báo KH, trong đó 34 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Thành tích xuất sắc trong công bố nhiều bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín năm 2019	Đại học Thái Nguyên	2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Từ năm 2003 đến nay tôi là giảng viên tại Khoa Vật lý và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên với nhiệm vụ giảng dạy trình độ Đại học và Sau đại học, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, học viên làm khóa luận tốt nghiệp đại học và luận văn thạc sỹ, biên soạn giáo trình, tham gia xây dựng chương trình đào tạo và các công việc khác theo sự phân công của Khoa và nhà trường. Trong từng năm học tôi đều hoàn thành các nhiệm vụ của giảng viên theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, Thông tư số [36/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 15/12/2010, Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 và Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Năng lực giảng dạy: Có năng lực giảng dạy và chuyên môn tốt, thân thiện và nhiệt tình với sinh viên, học viên

- Ý kiến phản hồi của người học trong 3 năm gần nhất: tốt

- Phát triển chương trình đào tạo: Tham gia xây dựng đề án tuyển sinh trình độ ThS chuyên ngành quang học.

- Đóng góp khác trong công tác đào tạo: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia viết các đề án xây dựng phòng thí nghiệm của Trường.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011				1	202.5		202.5/267.3/84
2	2012-2013				2	195		195/302.1/67.2
3	2014-2015					225		225/257.3/216
3 năm học cuối								
4	2017-2018					75	90	165/265.7/216
5	2018-2019			3			180	180/512.7/202.5
6	2019-2020						135	135/222.6/202.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Chứng chỉ B2- khung tham chiếu Châu Âu

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2- khung tham chiếu Châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Đắc Duẩn		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	2019
2	Nguyễn Thị Thảo		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	2019

3	Trần Thị Hồng Gấm		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	2019
---	-------------------	--	---	---	--	---------------------------	---	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Tuyển tập 36 đề trắc nghiệm môn Vật lý	TK	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2010	3	VC	(Từ đề số 25 đến đề số 36)	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
2	Tuyển tập các đề thi trắc nghiệm Vật lý Đại cương 1	TK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, năm 2018	4	VC	(Từ đề số 01 đến đề số 10)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Độ từ hóa của bán dẫn từ pha loãng	CN	CS 2006-07, cấp Cơ sở	01/04/2006 đến 01/04/2007	20/04/2007 Xếp loại khá
2	Xây dựng bài giảng điện tử môn cơ học lượng tử	CN	CS 2007-05, cấp Cơ sở	01/04/2007 đến 01/04/2008	26/03/2008 Xếp loại: đạt
3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của cấu trúc nano dị chất loại II CdS/ZnSe	CN	ĐH2011-07-07, cấp Cơ sở	01/01/2011 đến 30/12/2012	25/09/2013 Xếp loại tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Photoluminescent properties of Mn doped CdS and CdS/ZnS semiconductor nanocrystals	8	Không	Advances in natural sciences			8 , 201-208	2007
2	Sử dụng phương pháp gần đúng thế kết hợp (CPA) để tính mật độ trạng thái của bán dẫn từ pha loãng Ga1-xMnxAs	2	Có	Tạp chí KH&CN – Đại học Thái Nguyên			3 , 43, 80-84	2007
3	Influence of synthesis condition of optical properties of water soluble CdSe and CdSe/CdS nanocrystals	6	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ VI			, 958-962	2009
4	Photoluminescent properties of water soluble CdSe/CdS nanocrystals	6	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ VI			, 660-663	2009
5	Optical properties of type-II CdS/ZnSe core/ shell nanostructures	4	Có	Advances in Optics Photonics Spectroscopy Applications VI			, 505-510	2010

6	Synthesis and characterization of high quality CdS quantumdot in noncoordinating solvents	3	Có	Proceedings the 2nd Academic Conference on Natural Science for Master and PhD Students from Cambodia, Laos, Malaysia and Vietnam			, 234-239	2011
7	Synthesis of type -II CdS/ZnSe core/ shell nanostructures showing photoinduce electron – transfer	3	Có	Proceedings the 2nd Academic Conference on Natural Science for Master and PhD Students from Cambodia, Laos, Malaysia and Vietnam			, 188-193	2011
8	Synthesis and characterization of type-II ZnSe/CdS core/shell nanostructures	2	Có	Advances in Optics Photonics Spectroscopy Applications VII			, 655-659	2012
9	Chế tạo và đặc trưng của cấu trúc nano lõi/vỏ loại II CdS/ZnSe	4	Có	Tạp chí KH&CN – Đại học Thái Nguyên			96 , 8, 45-48	2012
10	Temperature dependent photoluminescence of type-II CdS/ZnSe core/shell nanostructures	4	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn Lâm			50 , 1B, 432-440	2012

11	Ảnh hưởng của nhiệt độ chế tạo đến sự hình thành và tính chất quang của các nano tinh thể lõi vỏ loại II CdS/ZnSe	3	Có	Tạp chí Hóa học			51 , 804-808	2013
12	Type-II CdS/ZnSe core/shell heterostructures: UV-vis absorption, photoluminescence and Raman scattering studies	5	Có	Materials Science and Engineering B	Q1, Hindex=120 - ISI IF: 3.507		200 , 107-116	2015
13	Tunable luminescent emission characterization of type-I and type-II systems in CdS/ZnSe core/shell nanoparticles: Raman and photoluminescence studies	5	Có	Nanotechnology	Q1, Hindex=195 - ISI IF: 3.399		26 , 445701	2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
14	Investigation on Raman spectra of Boro- Tellurite glasses doped Dy ³⁺	4	Không	Advances in optics photonics spectroscopy & applications IX			, 219-223	2016
15	Nghiên cứu chế tạo và đặc trưng các tính chất của hạt nano Coban kim loại nhằm chế tạo nam châm tổ hợp MnBi/Co	6	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X			, 85-89	2017

16	Vai trò của tổn hao lớp điện môi lên sự mở rộng vùng có chiết suất âm sử dụng mô hình lai hóa bậc hai	5	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X			, 90-93	2017
17	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể hợp kim CdTe _{1-x} Se _x (0	8	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X			, 238-242	2017
18	Study on structure of Zinc-lithiumtelluroborate glass using Eu ³⁺ probe	5	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X			, 261-267	2017
19	Study on optical properties of Sm ³⁺ ion doped borotellurite glass	5	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X			, 268-271	2017
20	Khảo sát ảnh hưởng của công nghệ ủ nhiệt và hợp phần lên tỷ phần pha sắt từ của hợp kim MnBi	5	Không	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2			47 , 13-19	2017
21	Vai trò của tổn hao lớp điện môi lên sự mở rộng vùng có chiết suất âm sử dụng mô hình lai hoá bậc hai	6	Không	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2			51 , 40-50	2017

22	Mở rộng dải tần từ thấp âm dựa trên mô hình lai hóa bậc hai cho cấu trúc đối xứng bằng phương pháp mô phỏng	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên			172 , 3- 8	2017
23	Temperature- dependent photoluminescent and Raman studies on type- II CdS/ZnSe core/shell and CdS/CdZnSZnCdSe/ ZnSe core/intermediate/shell nanoparticles	6	Có	Journal of Alloys and Compounds	Q1, Hindex=160 - ISI IF: 4.175		697 , 401- 408	2017
24	Fractal model for streaming potential coefficient in porous media	4	Không	Geophysical Prospecting	Q2, Hindex =73 - ISI IF: 1.62		12 , 23- 34	2017
25	Synthesis and optical properties of tetrapodshaped CdTe/CdSe type-II nanocrystals in noncoordinating solvent	8	Có	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X			, 144- 149	2018
26	Fluorescence enhancement of Sm ³⁺ ion and white light emission of GF4:Tb ³⁺ /Sm ³⁺ polycrystal	5	Không	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X			, 102- 108	2018

27	Potential application of electroosmosis to dewater wet building walls	6	Không	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X			254-258,	2018
28	Dy ³⁺ doped alumino borotellurite glass: absorption fluorescence and white light emission	5	Không	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X			, 199-204	2018
29	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn hợp kim CdS _{1-x} Se _x	7	Có	Advances in optics photonics spectroscopy & applications X			, 150-158	2018
30	Near-Infrared Emitting Type-II CdTe/CdSe Core/Shell Nanocrystals: Synthesis and Optical Properties	4	Có	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)			, 398–407	2018
31	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể lõi/vỏ loại-II CdTe/CdSe và lõi/vỏ/vỏ loại II/loại I CdTe/CdSe/ZnSe	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			12 , 9-16	2018
32	Chế tạo nghiên cứu tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Cu	8	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 31-40	2018

33	Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Ni	7	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 41-48	2018
34	Ảnh hưởng của điều kiện chế tạo đến quá trình mọc mầm và phát triển của nano tinh thể CdSe trong hệ Octadecence- axit Oleic	2	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 69-76	2018
35	Optical properties of Eu ³⁺ ions doped aluminosilicate glass	2	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 85-90	2018
36	Study on preparation of magnetic fluid based on synthesized Fe ₃ O ₄ magnetic nanoparticles in water and organic solvents	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 91-96	2018
37	Ảnh hưởng của các tham số cấu trúc lên độ mở rộng vùng chiết suất âm trong cấu trúc lưới đĩa dựa trên lai hóa plasmon	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			14 , 9-16	2018
38	Electronic Structure and Ferromagnetism in Zincblende Zn _{1-x} CoxS Nanoparticles	7	Không	Journal of Superconductivity and Novel Magnetism	Q3, Hindex=43 - ISI IF: 1.13		32 , 1761-1768	2018

39	Tính chất quang của các nano tinh thể loại-II CdSe/CdTe dạng tetrapod	5	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 235-240	2019
40	Hấp phụ xanh methylene từ vật liệu tổ hợp nano oxit sắt từ/Ag/than sinh học	3	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 510-515	2019
41	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất quang của các nano tinh thể ba thành phần CdSeTe dạng tetrapod	6	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 281-285	2019
42	Nghiên cứu mở rộng vùng chiết suất âm sử dụng cấu trúc lưới đĩa đa lớp dựa trên lai hóa plasmon	5	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 73-78	2019
43	Tối ưu vật liệu biến hóa hấp thụ đa dải tần ở vùng hồng ngoại không phụ thuộc vào phân cực của sóng điện từ	6	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 79-83	2019
44	Effect of particle size on magnetic properties of Fe ₃ O ₄ nanoparticles	6	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 202-205	2019
45	Sự tăng cường huỳnh quang của ion Sm ³⁺ và truyền năng lượng trong đa tinh thể KYF ₄ :Tb ³⁺ /Sm ³⁺	4	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn và khoa học vật liệu lần thứ XI			, 241-245	2019

46	Multiexciton Properties in CdSe Core and CdSe/CdSe _{1-x} S _x Tetrapod Nanostructures Under Pulse Wave Optical Pumping	3	Không	International Conference on Engineering Research and Applications (Springer)			, 477-486	2019
47	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tính chất huỳnh quang của các nano tinh thể lõi/vỏ loại II CdTe/CdSe	5	Có	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự Số Đặc san FEE			Số Đặc san FEE , 327-334	2019
48	Tunable dual emission in type-I/type-II CdSe/CdS/ZnSe nanocrystals	9	Có	Journal of Alloys and Compounds	Q1, Hindex=160 - ISI IF: 4.175		791 , 144-151	2019
49	An in-depth study of the Judd-Ofelt analysis, spectroscopic properties and energy transfer of Dy ³⁺ in aluminolithium-telluroborate glasses	9	Không	Journal of Luminescence	Q2, Hindex =110 - ISI IF: 2.961		210 , 435-443	2019
50	Optical and Ferromagnetic Properties of Ni-Doped CdTeSe Quantum Dots	7	Có	Journal of Electronic Materials	Q2, Hindex =93 - ISI IF: 1.676		48 , 2593–2599	2019

51	Photoluminescence properties of CdTe/CdTeSe/CdSe core/alloyed/shell typeII quantum dots	8	Có	Journal of Alloys and Compounds	Q1, Hindex=160 - ISI IF: 4.175		787 , 823-830	2019
52	Synthesis and optical properties of tunable dual emission copper doped CdTe1-xSex alloy nanocrystals	6	Không	Optical Materials	Q1, Hindex =98 - ISI IF: 2.687		97 , 109392	2019
53	Structure, optical properties and energy transfer in potassiumalumino-borotellurite glasses doped with Eu ³⁺ ions	8	Không	Journal of Luminescence	Q2, Hindex =110 - ISI IF: 2.961		216 , 116748	2019
54	Energy transfer and white light emission of KGdF ₄ polycrystalline co-doped with Tb ³⁺ /Sm ³⁺ ions	7	Không	Optical Materials	Q1, Hindex =98 - ISI IF: 2.687		92 , 174-180	2019
55	Synthesis, characterization and the photoinduced electrontransfer energetics of CdTe/CdSe type-II core/shell quantum dots	8	Có	Journal of Luminescence	Q2, Hindex =110 - ISI IF: 2.961		217 , 116822	2019

56	Role of modifier ion radius in luminescence enhancement from 5D4 level of Tb ³⁺ ion doped alkalialumino-telluroborate glasses	8	Không	Journal of Luminescence	Q2, Hindex =110 - ISI IF: 2.961		221 , 117039	2020
57	PMAO-assisted thermal decomposition synthesis of highstability ferrofluid based on magnetite nanoparticles for hyperthermia and MRI applications	7	Không	Materials Chemistry and Physics	Q2, Hindex =143 - ISI IF: 2.781		245 , 122762	2020
58	Effect of Wheel Speed on Magnetic Properties of Nd ₁₀ Fe _{85-x} CoxB ₅ (x = 0 to 40) Nanocomposite Ribbons	8	Không	Journal of Electronic Materials	Q2, Hindex =93 - ISI IF: 1.676		49 , 3902	2020
59	Effects of ligand and chemical affinity of S and Se precursors on the shape, structure and optical properties of ternary CdS _{1-x} Sex alloy nanocrystals	6	Không	Materials Letters	Q1, Hindex =135 - ISI IF: 3.019		264 , 127387	2020

60	Nacre-Mimicking Titania/Graphene/Chitin Assemblies in Macroscopic Layered Membranes and Their Performance	8	Không	Journal of Electronic Materials	Q2, Hindex =93 - ISI IF: 1.676		49 , 3791	2020
61	Plasmonic hybridization in symmetric metamaterial for broadband negative refractive index: simulation, experiment and characterization	6	Không	Journal of Physics D: Applied Physics	Q1, Hindex =185 - ISI IF: 2.829		53 , 175501	2020
62	Photoluminescence properties of Cu- doped CdTeSe alloyed quantum dots versus laser excitation power and temperature	9	Có	Journal of Luminescence	Q2, Hindex =110 - ISI IF: 2.961		218 , 116838	2019
63	Effects of chemical affinity and injection speed of Se and Te precursors on the development kinetic and optical properties of ternary alloyed CdTe _{1-x} Se _x nanocrystals	9	Có	Journal of Physics and Chemistry of Solids	Q2, Hindex =103 - ISI IF: 2.752		139 , 109332	2020
64	New insights on the energy transfer mechanisms of Eu-doped CdS quantum dots	10	Không	Physical Chemistry Chemical Physics	Q1, Hindex =218 - ISI IF: 3.567		22 , 6266- 6274	2020

65	The crack healing effect of scandium in aluminum alloys during laser additive manufacturing	4	Không	Journal of Manufacturing Processes	Q1, Hindex =46 - ISI IF: 3.462		50 , 241–246	2020
66	K2YF5:Tb3+ single crystal: An in-depth study of spectroscopic properties, energy transfer and quantum cutting	8	Không	Optical Materials	Q1, Hindex =98 - ISI IF: 2.687		106 , 109939	2020
67	Preparation of exchange coupled CoFe2O4/CoFe2 nanopowders	7	Không	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	Q2, Hindex =162 - ISI IF: 2.68		511 , 166984	2020
68	VUV spectroscopy of lanthanide doped fluoride crystals K2YF5	10	Không	Optical Materials	Q1, Hindex =98 - ISI IF: 2.687		107 , 110049	2020
69	A physically based model for the streaming potential coupling	5	Không	Water	Q1, Hindex=42 - ISI IF: 2.595		12 , 1588	2020
70	Synthesis and an indeep study of the mechanism of silver nanoplate and nanodecahara growth by LED irradiation for SERS application	10	Không	Journal of Electronic Materials	Q2, Hindex =93 - ISI IF: 1.676		Online ,	2020
71	A physically-based model for the electrical conductivity of partially saturated porous media	7	Không	Geophysical Journal International	Q1, Hindex = 159 - ISI IF: 2.777		Online ,	2020

72	Influence of precursor ratio and dopant concentration on the structure and optical properties of Cu-doped ZnCdSe-alloyed quantum dots	10	Có	RSC Advances	Q1, Hindex = 128 - ISI IF: 3.049		Accept ,	2020
73	Structural, optical properties, energy transfer mechanism and quantum cutting of Tb ³⁺ doped ZnS quantum dots	11	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids	Q2, Hindex = 103 - ISI IF: 2.752		Accept ,	2020
74	The structural transition of bimetallic Ag–Au from core/shell to alloy and SERS application	8	Không	RSC Advances	Q1, Hindex = 128 - ISI IF: 3.049		10 , 24577	2020
75	Measuring of translational and rotational local temperatures of a single gold nanocrescent in glycerol	9	Không	Optik	Q2, Hindex = 57 - ISI IF: 1.914		Online , 165174	2020
76	Electroosmotic coupling in porous media, a new model 2 based on a fractal upscaling procedure	8	Không	Transport in Porous Media	Q1, Hindex = 80 - ISI IF: 1.997		Accept ,	2020

77	Phonon Characterization, Structural and Optical Properties of type-II CdSe/CdTe core/shell and type-II/type-I CdSe/CdTe/ZnS core/shell/shell quantum dots	2	Có	VNU-Journal of Science: Mathematics - Physics			Accept ,	2020
----	---	---	----	--	--	--	----------	------

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 8

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UỶ không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UỶ không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Thái Nguyên, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)